

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HN-ST

Ngày: 19/8/2020.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Hồ Nguyễn Phượng Anh Hương Thoa**

**2. Bà Trịnh Thị Thu Hà**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

**Ngày 19 tháng 8 năm 2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **128/2020/TLST-HNGĐ** ngày 18 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **85/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 15 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số **32/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm L.

Địa chỉ: ấp T, xã TLT, huyện CTA, tỉnh H. **Vắng mặt.**

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh S.

Địa chỉ: ấp T, xã TLT, huyện CTA, tỉnh H. **Vắng mặt**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện CTA, tỉnh C cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện CTA, tỉnh H). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi gây mất hạnh phúc. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 30/01/2003 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 13/9/2009, hiện tại các con đang sống cùng anh, chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **anh Nguyễn Thanh S** trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Cẩm L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Việc anh và chị L chung sống phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, hiện tại anh cũng không còn tình cảm với chị L nên anh cũng thống nhất ly hôn. Về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị Cẩm L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thanh S tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thanh S; Giao con chung tên Nguyễn Minh T. Giới tính: Nam. Sinh ngày 30/01/2003 cho anh Nguyễn Thanh S được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1 Giới tính: Nữ. Sinh ngày 13/9/2009 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết; Án phí buộc đương sự nộp theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Thanh S hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã TLT, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thanh S là bị đơn trong vụ án đã được

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

### **Về nội dung tranh chấp:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau từ năm 2002, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị L và anh S chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc nên chị L có yêu cầu ly hôn và anh S cũng thống nhất ly hôn do hiện tại anh cũng không tình cảm với chị L. Do anh S và chị L thống nhất ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thanh S.

[2]. Về con chung: Chị L và anh S điều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị L và anh S, Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh S sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 30/01/2003 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 13/9/2009, do cháu T và cháu T1 hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Biên bản lấy lời khai của cháu T và cháu T1 ngày 08/6/2020 thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu T có nguyện vọng được sống với cha, cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Toàn cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Thư giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các **Điều 55, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh T. Giới tính: Nam. Sinh ngày 30/01/2003 cho anh Nguyễn Thanh S được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 13/9/2009 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L, anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0003728 ngày 18/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị Nguyễn Thị Cẩm L không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã Trường Long Tây.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

**Trần Minh Mẫn**